

TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ CỦA HẢI QUAN TRONG THỰC THI CÁC CHÍNH SÁCH ĐỂ GIẢM THIỂU VÀ THÍCH ỨNG VỚI TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở VIỆT NAM

TS. Nguyễn Hoàng Tuấn*

Bài viết này cung cấp một cách nhìn sơ bộ về những quy định pháp lý và thực tiễn gắn với vai trò của Hải quan trong việc lựa chọn thực thi các chính sách giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Các lựa chọn chính sách được đề cập là thực thi chiến lược hải quan xanh, thuế nhập khẩu carbon (đặc biệt là cơ chế điều chỉnh biên giới carbon), tạo thuận lợi cho thương mại công nghệ năng lượng carbon thấp, thực thi các biện pháp chống lại các hành vi bất thường trong giao dịch giấy phép phát thải, thông quan nhanh các lô hàng cứu trợ nhân đạo, phục hồi thương mại. Bài viết cho rằng với những nghiên cứu sâu hơn về các chủ đề như vậy sẽ giúp thúc đẩy tích cực việc xây dựng và áp dụng các chính sách liên quan đến biến đổi khí hậu bởi hải quan Việt Nam.

• Từ khóa: biến đổi khí hậu, hải quan xanh, cơ chế điều chỉnh biên giới carbon.

This paper offers a preliminary overview of the legal and practical implications of climate change mitigation and adaptation policy options on the role of Customs. The policy options covered are green customs strategy, carbon import tariffs (especially CBAM), trade facilitation of low-carbon energy technology, enforcement against emission permit trading irregularities, customs clearance of humanitarian relief consignments, trade recovery. The paper contends that further research on these topics will actively promote the formulation and implementation of climate change policies by Vietnam Customs.

• Key words: climate change, green customs, carbon border adjustment mechanism.

Ngày gửi bài: 14/10/2024

Ngày gửi phản biện: 16/11/2024

Ngày nhận và sửa sau phản biện: 30/11/2024

Ngày chấp nhận đăng: 20/12/2024

1. Giới thiệu

Biến đổi khí hậu (hay sự nóng lên toàn cầu) trong những năm qua đang là mối đe dọa nghiêm trọng đến môi trường Trái đất. Nhiều nghiên cứu khác nhau của các học giả trong nước và quốc tế về việc chính phủ các quốc gia nên sử dụng chính sách công như thế nào cho phù hợp với những sự biến đổi khí hậu đang diễn ra nhanh chóng trên toàn cầu. Các lựa chọn được đưa ra thường chia làm hai nhóm cơ bản là nhóm các chính sách giảm thiểu (hướng tới mục tiêu giải quyết các nguyên nhân gây biến đổi khí hậu) và nhóm các chính

sách thích ứng (hướng tới mục tiêu vào giải quyết những tác động của biến đổi khí hậu). Bài viết này nhằm nhận diện và phân tích rõ vai trò của cơ quan hải quan trong việc thực thi các chính sách công để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu dưới hình thức thực thi pháp luật hải quan và pháp luật có liên quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, chẳng hạn như thuế nhập khẩu carbon, giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu, tiêu chuẩn/ quy chuẩn về môi trường... bên cạnh đó là thực hiện các chính sách thích ứng với những tác động biến đổi của khí hậu như việc áp dụng thông quan nhanh và đơn giản hoá thủ tục hải quan đối với những lô hàng cứu trợ, nhân đạo.

2. Tác động của biến đổi khí hậu

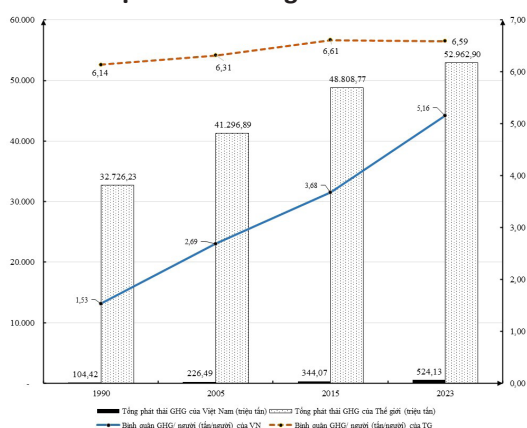
Những tác động về biến đổi khí hậu được đề cập nhiều trong các báo cáo nghiên cứu, đánh giá của các nhà khoa học, tổ chức và chính phủ của nhiều quốc gia trên thế giới. Trong đó đều xác định rõ ràng sự biến đổi khí hậu đang diễn ra trên toàn cầu chủ yếu là do con người gây ra qua các hoạt động làm tăng phát thải khí nhà kính (GHG) vào trong khí quyển. Theo các số liệu báo cáo thống kê của Ủy ban châu Âu thì trong giai đoạn từ 1990 đến 2023 tổng lượng khí nhà kính GHG thế giới tăng từ 32.726,228 triệu tấn lên 52.962,901 triệu tấn và mức tính hình quân từ 6,140 tấn/người/năm lên 6,594 tấn/người/năm. Cùng thời điểm đó thì quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam đã khiến cho tổng lượng phát thải khí nhà kính của Việt Nam liên tục tăng nhanh từ 104,42 triệu tấn và bình quân 1,53 tấn/người vào năm 1990 lên mức 524,13 triệu tấn và 5,16 tấn/người vào năm 2023 như hình 1.

Trong khí nhà kính thì chiếm tỷ trọng hơn 70% là CO₂, đây là chất khí trong khí quyển hấp thụ năng lượng từ mặt trời và phát ra ít bức xạ hơn vào không

* Học viện Tài chính

gian, do đó làm ấm trái đất. Điều này dẫn đến những biến đổi khí hậu gây ra những tác động có hại cho sự sống trên trái đất, như hiện tượng El Nino gây ra đợt nắng nóng kéo dài, sự gia tăng của các cơn bão mạnh, mực nước biển dâng cao, hạn hán và lũ lụt hay sự biến đổi đột ngột của khí hậu trong một khu vực nhất định... như theo báo cáo năm 2023 của Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO), trong giai đoạn 2023 - 2027, nhiệt độ trung bình năm toàn cầu có thể sẽ cao hơn 1,5°C so với mức thời kỳ tiền công nghiệp trong ít nhất một năm do sự kết hợp giữa ô nhiễm bầu nhiệt và hiện tượng El Nino. Theo nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới, biến đổi khí hậu có thể khiến Việt Nam mất khoảng 12% đến 14,5% GDP mỗi năm vào năm 2050 và có thể khiến tới một triệu người vào tình trạng nghèo cùng cực vào năm 2030.

Hình 1. Số liệu lượng phát thải khí nhà kính của Việt Nam và thế giới từ 1990-2023



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu báo cáo của European Commission

3. Vai trò của hải quan trong chống lại biến đổi khí hậu

Cơ quan Hải quan với nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, giám sát hàng hóa, phương tiện vận tải; tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; phòng, chống buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, tạo thuận lợi cho thương mại, bởi vậy cơ quan hải quan đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát hàng hóa liên quan đến môi trường dịch chuyển qua biên giới các quốc gia. Chính vì vậy, trong kế hoạch phát triển của hải quan thế giới, WCO đặc biệt quan tâm và khẳng định vai trò quan trọng của cơ quan hải quan trong các nỗ lực phát triển bền vững toàn cầu, bảo vệ môi trường chống lại biến đổi khí hậu thông qua các chủ đề như hải quan xanh, xây dựng danh mục HS xanh, thúc đẩy hải quan điện tử phi giấy tờ nhằm giảm thiểu các tác động tới môi trường, tổ chức các hội nghị, chiến dịch về động vật hoang dã. Trong đó, Sáng kiến Hải quan xanh được tuyên bố tại Quyết định 21/27 của Hội đồng - UNEP về việc tuân thủ và thực thi các MEAs (tháng 02 năm 2001) được xem là chương trình

hoạt động chủ chốt của tổ chức hải quan nhằm kiểm soát hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa nhạy cảm với môi trường. Nội dung của Sáng kiến Hải quan xanh bao gồm: Nâng cao nhận thức về vai trò của Hải quan trong bảo vệ môi trường qua việc tăng cường kiến thức về các vấn đề môi trường, cụ thể các vấn đề được đề cập trong các MEAs; Tăng cường các kỹ năng theo yêu cầu thực thi từ các cam kết quốc gia về môi trường. Cụ thể cơ quan hải quan các quốc gia đẩy mạnh tăng cường khả năng của cán bộ hải quan trong việc phát hiện các đối tượng buôn lậu và hàng hóa thương mại bất hợp pháp. Tăng cường khả năng tuân thủ và thực thi các MEAs thông qua việc theo dõi, giám sát các hoạt động thương mại; Tăng cường cơ hội đối thoại với các nước đối tác thương mại khu vực về các vấn đề thương mại bất hợp pháp. Tăng cường xây dựng năng lực một cách bền vững thông qua tích hợp Sáng kiến Hải quan xanh vào các chương trình đào tạo của Hải quan quốc gia; Phòng ngừa tổn thất nguồn thu từ thuế hải quan và các loại thuế khác cùng với việc ngăn chặn tội phạm buôn lậu. Tích hợp nội dung bảo vệ môi trường trong các chương trình nghị sự về an ninh quốc gia.

Trên cơ sở sự hợp tác của Hải quan các nước thông qua tổ chức WCO, hải quan các quốc gia còn xây dựng và thực thi nhiều chính sách giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu khác nhau. Cụ thể như:

Chính sách áp dụng thông qua việc cắt giảm thuế quan và rào cản phi thuế quan để thúc đẩy việc sử dụng rộng rãi hơn công nghệ năng lượng các-bon thấp (như gió, mặt trời, chiếu sáng hiệu quả và thủy điện) hay ưu đãi thuế quan với những hàng hoá thân thiện với môi trường. Để thực thi được điều này cơ quan hải quan các nước áp dụng Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS) của tổ chức hải quan thế giới để phân tách các nhóm hàng liên quan đến môi trường ra những nhóm hàng riêng biệt và mã hoá chúng. Thí dụ như theo các yêu cầu của Nghị định thư Montreal về cấm nhập khẩu và xuất khẩu các chất làm suy giảm tầng ôzôn (ODS), WCO đã nhiều lần điều chỉnh Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS) bằng cách thiết lập nhóm hàng hóa cụ thể cho ODS thuộc phạm vi của Nghị định thư Montreal; hay liên quan đến năng lượng mặt trời, pin quang điện, mô-đun và tấm pin được phân loại trong phân nhóm HS 8541.40. Thêm vào đó để tăng thêm tính cụ thể phục vụ cho việc cắt giảm thuế quan hay rào cản phi thuế quan riêng đối với những hàng hoá này, nhiều quốc gia và nhóm các quốc gia còn mở rộng danh mục HS ra cấp độ 8 số hay 10 số.

Ngoài ra, trong thời gian gần đây chính sách áp dụng cơ chế định giá carbon đã được nhiều quốc gia quan tâm và nghiên cứu triển khai áp dụng. Mục đích của việc áp dụng cơ chế định giá carbon là để tác động đến nhà sản xuất và người tiêu dùng để thải ít carbon

hơn và nâng cao khả năng cạnh tranh của các ngành công nghiệp thải ít carbon. Các chính sách về định giá carbon, bao gồm hệ thống mua bán chứng chỉ carbon (ETS - Emission Trading Scheme), thuế carbon và cơ chế tạo tín chỉ (Crediting) và cơ chế bù trừ (offset) nhằm thúc đẩy hoạt động giảm phát thải khí nhà kính ở các quốc gia, khu vực và trên phạm vi toàn cầu. Thuế carbon là loại thuế được áp dụng trực tiếp cho việc sản xuất khí thải nhà kính hoặc nhiên liệu thải ra các loại khí thải này khi chúng bị đốt cháy, thường là các loại nhiên liệu hóa thạch. Cơ sở nền tảng của việc áp thuế carbon là đưa ra chi phí bổ sung cho mỗi tấn CO₂ phát thải vào khí quyển. Vì thế, thuế carbon được xem là một chính sách kinh tế và là một công cụ hiệu quả về mặt chi phí để khuyến khích giảm phát thải khí nhà kính tại nơi diễn ra phát thải theo nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả phí. Thuế carbon đã được áp dụng ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó quốc gia đầu tiên thực hiện thuế carbon là Phần Lan vào năm 1990. Tiếp sau Phần Lan là Thụy Điển và Na Uy - hai quốc gia cùng thực hiện thuế carbon vào năm 1991, trong đó thuế carbon của Na Uy với mức thuế 69 USD/tấn CO₂ được sử dụng trong xăng... Sự tham gia của cơ quan hải quan trong việc thực thi thuế carbon thường thể hiện qua việc cơ quan hải quan áp dụng thực thi thuế nhập khẩu carbon trên sản phẩm và thuế carbon đối với hoạt động chế biến, sản xuất. Thí dụ như Đan Mạch, đánh thuế nhập khẩu các khí nhà kính công nghiệp hydrofluorocarbon (HFC), perfluorocarbon (PFC) và lưu huỳnh hexafluoride (SF₆). Điều này càng thể hiện rõ khi ngày 13/12/2022, các quốc gia thành viên EU đã thông báo sẽ thực hiện CBAM là một phần thuộc Thỏa thuận Xanh châu Âu được EU khởi động từ năm 2019 nhằm giải quyết các thách thức liên quan đến khí hậu và môi trường. Theo đó EU dự kiến sẽ đánh thuế carbon đối với tất cả hàng hóa xuất khẩu sang thị trường này dựa trên cường độ phát thải khí nhà kính trong quy trình sản xuất tại nước sở tại. CBAM ban đầu sẽ áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có nguy cơ ô nhiễm cao như sắt thép, xi măng, phân bón, nhôm, điện và hydro và có khả năng mở rộng ra các sản phẩm khác. Các nhà nhập khẩu sẽ phải báo cáo lượng khí thải có trong hàng hóa nhập khẩu, nếu lượng khí thải này vượt quá tiêu chuẩn của EU, họ sẽ phải mua “chứng chỉ khí thải” theo mức giá carbon hiện tại tại EU.

Đối với hệ thống giấy phép “chứng chỉ khí thải” có thể giao dịch chính phủ đưa ra quy định giới hạn hoặc hạn mức lượng phát thải CO₂ được phép. ETS thường được quản lý bởi một cơ quan có thẩm quyền và đưa ra các quy định giới hạn hoặc mức trần cho tổng phát thải khí nhà kính bao gồm CO₂. Hạn mức phát thải có thể được đấu giá hoặc phân bổ miễn phí cho các pháp nhân (nguồn phát thải hoặc các nguồn khác). Các pháp nhân này cần phải hoàn trả hạn mức cho mỗi tấn phát thải

CO₂ và có thể giao dịch các hạn mức không sử dụng đến. Theo đó, những người phát thải nhận hoặc mua các khoản hạn mức phát thải. Những người phát thải vượt quá hạn mức của mình sẽ phải mua “chứng chỉ khí thải” từ những người phát thải sử dụng ít hơn hạn mức của mình. Hiện nay một số hệ thống giao dịch phát thải (ETS) trên thế giới đang vận hành như của Liên minh châu Âu (EU ETS), Chương trình Thương mại phát thải (cap-and-trade) tại California và ETS Trung Quốc.

Tương tự như Hệ thống mua bán khí thải của Liên minh châu Âu (EU ETS), cơ chế CBAM của EU với tính chất là khoản phí áp đặt đối với hàng hóa nhập khẩu vào EU dựa trên lượng khí nhà kính (mà chủ yếu là carbon) phát thải trong quá trình sản xuất tại nước xuất khẩu mà chưa được bù trừ (lượng phát thải ròng) cũng yêu cầu các nhà nhập khẩu mua hạn mức carbon để trang trải lượng khí thải liên quan đến sản xuất hàng hóa nhập khẩu. Sau khi được vận hành chính thức từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, nhà nhập khẩu sẽ phải mua 1 chứng chỉ CBAM cho mỗi tấn CO₂ tương đương có trong sản phẩm nhập khẩu vào EU dựa trên hạn ngạch miễn phí ETS và phần trăm CBAM. Như vậy khi áp dụng, các nhà nhập khẩu sẽ là chủ thể phải nộp loại thuế này khi thực hiện thủ tục nhập khẩu các lô hàng liên quan với cơ quan hải quan nước nhập khẩu. Tất nhiên, chi phí đó sẽ được chuyển lại cho nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài. Với mỗi nhà sản xuất, xuất khẩu, quá trình sản xuất ra sản phẩm càng xanh hóa, càng phát thải ít khí nhà kính thì thuế càng thấp; nếu đạt được trung hòa carbon - lượng khí nhà kính phát thải được bù trừ để bằng 0 (thông qua quá trình sản xuất tự thân hoặc thông qua việc mua bán tín chỉ carbon từ các chủ thể khác) thì sẽ không phải chịu thuế biên giới carbon. Bằng cách này, các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài bắt buộc phải nỗ lực đầu tư và thực hiện xanh hóa quá trình sản xuất các sản phẩm để giảm/loại bỏ gánh nặng thuế này, từ đó góp phần vào việc giảm phát thải khí nhà kính ở nước xuất khẩu và trên toàn cầu. Điều này cũng góp phần vào việc ngăn chặn hiện tượng “rò rỉ carbon” xảy ra khi các doanh nghiệp dịch chuyển hoạt động sản xuất từ các nước có sự kiểm soát về hạn chế phát thải sang các nước và khu vực ít hoặc chưa có sự kiểm soát.

Bên cạnh việc thực thi các chính sách giảm thiểu thì cơ quan hải quan các quốc gia trên thế giới cũng tham gia tích cực vào việc thực thi các chính sách thích ứng với những tác động của biến đổi khí hậu trên toàn cầu. Các chính sách chủ yếu về thích ứng với biến đổi khí hậu mà cơ quan Hải quan thường thực hiện bao gồm tạo thuận lợi và đơn giản hóa thủ tục thông quan các lô hàng viện trợ nhân đạo, phục hồi và phát triển kinh tế sau thảm họa do tác động của biến đổi khí hậu. Tổ chức hải quan thế giới (WCO) cũng đã đưa ra các hướng dẫn về triển khai các biện pháp nêu tại Chương 5 của Phụ lục J của Công ước Kyoto sửa đổi 1999 về hàng hóa cứu trợ và tham gia thỏa thuận mẫu của Liên Hợp Quốc

về tạo thuận lợi thương mại, Công ước Istanbul về tạm quản hàng hóa được thông qua ngày 26/6/1990 (phụ lục B9 về hàng nhập khẩu cho mục đích nhân đạo), Khung tiêu chuẩn WCO SAFE 2005 nhằm đảm bảo và tạo thuận lợi cho thương mại toàn cầu. WCO cũng khuyến nghị cơ quan Hải quan các nước thành viên xem xét việc ký kết thỏa thuận mẫu với Liên hiệp quốc về các biện pháp tạo thuận lợi cho hàng hóa cứu trợ xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và nhân sự phục vụ cứu trợ khẩn cấp. Nội dung của thỏa thuận mẫu này dựa trên Hiến chương Liên hiệp quốc và các Nghị quyết về vai trò của Liên hiệp quốc có liên quan tới tình huống cứu trợ khẩn cấp. Trong nội dung của thỏa thuận này cũng phù hợp với các tuyên bố của WCO về vai trò của cơ quan hải quan trong tình huống cứu trợ khẩn cấp và các công ước có liên quan trong lĩnh vực hải quan. Nội dung tập trung đưa các quy định về thủ tục đối với hàng hóa cứu trợ vào các quy định pháp luật của hải quan đồng thời cung bổ rộng rãi danh sách các cửa khẩu, cảng hỗ trợ trong trường hợp cứu trợ khẩn cấp. Đối với quản lý các hoạt động tại biên giới, cơ quan hải quan cần đơn giản hóa các thủ tục trên tinh thần hợp tác, bao gồm việc chia sẻ thông tin với các cơ quan trong nước tham gia vào quá trình giải quyết các hàng hóa cứu trợ đảm bảo hàng hóa sẽ được xử lý nhanh chóng, hiệu quả, tập trung. Đặc biệt, các văn bản này đưa ra các khuyến nghị chi tiết về thủ tục hải quan đơn giản và nhanh chóng, cũng như miễn thuế nhập khẩu khi thông quan các lô hàng cứu trợ. Bên cạnh áp dụng các biện pháp thích ứng đối phó với biến đổi khí hậu thì các biện pháp tạo thuận lợi để phục hồi và phát triển kinh tế cũng được triển khai. Cơ quan hải quan nhiều quốc gia cũng có các hành động tích cực để giảm khó khăn cho các doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính có thể phục hồi sau tác động như việc chậm thanh toán thuế, hoàn thuế nhanh hơn.

4. Một số khuyến nghị đưa ra về thực thi các chính sách để giảm thiểu và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu của Hải quan Việt Nam

Một là, cần nhanh chóng rà soát, bổ sung và hoàn thiện cơ sở pháp lý, khung chính sách về cơ chế hoạt động của cơ quan hải quan Việt Nam trong việc giảm thiểu và thích ứng với sự biến đổi của khí hậu trên toàn cầu và tại Việt Nam. Đặc biệt là cần sớm nghiên cứu và ban hành áp dụng các quy định mới trong hệ thống pháp luật của Việt Nam theo xu hướng triển khai áp dụng của nhiều cơ quan hải quan trên thế giới về cơ chế chính sách về định giá carbon. Xây dựng và triển khai hệ thống mua bán chứng chỉ carbon (ETS), thuế carbon, cơ chế tạo tín chỉ (Crediting) và cơ chế bù trừ (offset) tại Việt Nam.

Hai là, tăng cường đầu tư hiện đại hoá ngành hải quan theo mô hình hải quan thông minh, hải quan xanh để nâng cao năng lực của cơ quan hải quan Việt Nam trong việc ứng dụng công nghệ vào kiểm soát hàng hoá

xuất khẩu nhập khẩu, đặc biệt là những hàng hoá liên quan đến môi trường, ngăn chặn việc lợi dụng rào cản môi trường trong xuất khẩu hàng hóa làm ảnh hưởng xấu đến sản xuất, kinh doanh, góp phần vào việc giảm bớt tác động của những hàng hoá có hại đến môi trường.

Ba là, cơ quan hải quan Việt Nam cần tham gia tích cực vào các hoạt động quốc tế và khu vực về môi trường; thực hiện đầy đủ các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, các cam kết quốc tế, chương trình, dự án song phương và đa phương về bảo vệ môi trường phù hợp với lợi ích quốc gia. Trong đó nổi bật là đẩy mạnh triển khai thực hiện các nội dung của “Sáng kiến Hải quan xanh” trong toàn ngành hải quan trong những năm tới. Tham gia hợp tác chặt chẽ với cơ quan hải quan các nước láng giềng và các nước trong khu vực để giải quyết các vấn đề môi trường liên quốc gia.

Kết luận: Bài viết này đã trình bày tổng quan sơ bộ về những vai trò của cơ quan Hải quan thông qua việc các lựa chọn thực thi các chính sách giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Để giải quyết một cách thực tế và nhanh chóng trước những biến đổi khí hậu đang gia tăng ở Việt Nam cũng như trên toàn cầu, các chính sách quốc gia và quốc tế cần phải thực thi các hành động giảm thiểu mạnh mẽ hơn nữa như việc kiểm soát và giảm lượng khí thải carbon và khí nhà kính; khuyến khích đẩy mạnh và tăng cường khả năng ứng dụng công nghệ năng lượng carbon thấp và thân thiện với môi trường trong sản xuất và đời sống hàng ngày. Trong đó, vai trò của cơ quan Hải quan ngày càng quan trọng trong việc thực thi các chính sách giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu ngay tại biên giới quốc gia và trên phạm vi toàn cầu. Chính vì vậy, việc nghiên cứu để đưa ra nhiều chính sách hơn nữa, trong đó gắn nhiều hơn vai trò của cơ quan hải quan Việt Nam có thể giúp Việt Nam điều chỉnh được các hoạt động sản xuất và thương mại ảnh hưởng đến biến đổi khí hậu, cũng như có kế hoạch thích ứng một cách chủ động với những biến đổi này trong tương lai. /.

Tài liệu tham khảo:

- Aldy, J.E., Ley, E. & Parry, I. 2008, 'A tax-based approach to slowing global climate change', *National Tax Journal*, vol. LXI, no. 3, pp. 493-517.
- Andersen, S.O. & Sarma, K.M. 2002, 'Protecting the ozone layer: the United Nations history', UNEP, London.
- Benedick, R.E. 1998, *Ozone diplomacy*, Harvard University Press, Cambridge, MA.
- Crippa, M., Guizzardi, D., Banja, M., Solazzo, E., Muntean, M., Schaaf, E., ... & Vignati, E. (2022). CO2 emissions of all world countries. JRC Science for Policy Report, European Commission, EUR, 31182.
- Dessler, A.E. & Parson, E.A. 2006, *The science and politics of global climate change*, Cambridge University Press, Cambridge.
- Lê Xuân Thuận (2024), Biến đổi khí hậu từ góc nhìn đối ngoại và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam, <https://quanly.moitruongvadothi.vn/28/27386/Bien-doi-khi-hau-tu-goc-nhin-doi-ngoai-va-mot-so-van-de-dat-ra-doi-voi-Viet-Nam.aspx>
- Mai Thu Hiền, Dương Huyền Diệp và Trần Tuệ Đan (2024), Thành lập và vận hành hệ thống giao dịch phát thải: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam, <https://tapchimoitruong.vn/chuyen-muc-3/thanh-lap-va-van-hanh-he-thong-giao-dich-phat-thai-kinh-nghiem-quoc-te-va-bai-hoc-cho-viet-nam-30267>
- Metcalfe, G.E. & Weisbach, D. 2009, 'The design of a carbon tax', *Harvard Environmental Law Review*, vol. 33, no. 2, pp. 499-556.
- Pigou, A.C. (1920), *The economics of welfare*, Macmillan.
- Trung tâm WTO và hội nhập - VCCI (2024), Thuế biên giới carbon thách thức đối với xuất khẩu Việt Nam, *Doanh nghiệp và Tự do hoá thương mại*, Số 35+36 Quý I-II+III/2024.
- United Nations (2022), "The Sustainable Development Goals Report 2022", <https://unstats.un.org/sdgs/report/2022/The-Sustainable-Development-Goals-Report-2022.pdf>
- Viện nghiên cứu tăng trưởng xanh (2024), Cơ chế điều chỉnh carbon qua biên giới (CBAM), <https://agg.vnu.edu.vn/tin-tuc-su-kien/co-che-dieu-chinh-carbon-qua-bien-gioi-cbam-56047>
- Vũ Thị Loan (2024), Xu hướng áp dụng thuế carbon và bài học cho Việt Nam, <https://isponre.gov.vn/vi/news/doi-thoi-xu-huong-ap-dung-thue-carbon-va-bai-hoc-cho-viet-nam-2653.html>